

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN ĐỒN
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HS-ST

Ngày 13 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Minh, bà Nguyễn Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Minh Đoàn là thư ký tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu H3ền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 03 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức D**; Sinh ngày 25/6/1985, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Xiêm và bà: Nguyễn Thị T; Vợ: Nguyễn Thị Anh T, có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2011, Công an huyện Vân Đồn lập hồ sơ đi cai nghiện bắt buộc, đến năm 2013 trở về địa phương; Bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 15/12/2018, hiện đang tạm giam. Có mặt.

- Bị hại: Anh Đỗ Tuấn L, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

Anh Đỗ Văn Tuyên, sinh năm: 1991, Địa chỉ: Khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu 7, thị trấn C, huyện Vân Đồn; Có mặt;

- Người tham gia tố tụng khác: Anh Hoàng Đức L2, người làm chứng - có mặt; Anh Lê Trung D1, anh Nguyễn Quốc C, anh Mạc Hoàng T2, anh Tô Văn Khánh, anh Bùi Văn C, anh Phạm Văn H2, anh Vũ Quang H3 - là những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức D và anh Đỗ Tuấn L, sinh năm 1993, trú tại khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, là bạn quen biết nhau ngoài xã hội. Chiều ngày 11/5/2018, D đến chơi điện tử tại quán nhà anh L ở khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D hỏi mượn anh L chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát (BKS) 14S1 - 072.00 để về nhà có việc, anh L đồng ý đưa xe cho D. Sau khi mượn được xe, D điều khiển xe sang thành phố Cẩm Phả chơi, sau đó mang xe đến hiệu cầm đồ Hoàng Anh, thuộc phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả cầm cố cho anh Bùi Văn C được 12.000.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ ngày 12/5/2018, do không thấy D trả xe nên anh L đi tìm và gặp D tại nhà anh Lê Trung D, sinh năm 1986, trú tại thôn Đông Thành, xã Đông Xá, huyện Vân Đồn. Tại đây, D nói với anh L là xe đã mang đi cầm ở hiệu cầm đồ Hoàng Anh, đồng thời D đưa cho anh L 3.000.000 đồng để đi chuộc lại xe. Anh L cầm tiền đi đến hiệu cầm đồ, thì chủ hiệu cầm đồ nói phải trả đủ 12.000.000 đồng mới chuộc được xe, nên anh L yêu cầu D đưa đủ số tiền chuộc, nhưng D không thực hiện mà bỏ trốn. Ngày 13/5/2018, anh Đỗ Tuấn L đến hiệu cầm đồ Hoàng Anh chuộc lại chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS 14S1 - 072.00 mang nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vân Đồn

Tiếp đó, ngày 07/8/2018, Lê Đức D và anh Đỗ Văn Tuyến, sinh năm 1991, trú tại khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, cùng chơi điện tử tại quán 24 giờ thuộc thôn Đông Sơn, xã Đông Xá, huyện Vân Đồn. Đến khoảng 00 giờ ngày 08/8/2018, do quán đóng cửa nên D và anh Tuyến rủ nhau đi chỗ khác chơi. Anh Tuyến đưa xe mô tô Yamaha Sirius BKS 14B1 - 155.03 cho D điều khiển chở anh Tuyến đến quán điện tử Hoàng Nét ở khu 8, thị trấn C, huyện Vân Đồn. Trên đường đi, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Khi D và anh Tuyến đến quán điện tử Hoàng Nét, cả hai xuống xe đi vào quán chơi điện tử. Lợi dụng lúc anh Tuyến đang chơi điện tử, D nói dối anh Tuyến cho mượn xe mô tô đi một lát rồi về trả, anh Tuyến tin nên đã đồng ý đưa xe cho D mượn. Sau khi lừa lấy được xe, D nhờ Đinh Quốc H3, trú tại thôn Đông Hợp, xã Đông Xá, huyện Vân Đồn dẫn đi cầm cố xe. Cả hai đi đến khu vực ngã ba phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả. H3 chỉ cho D gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) để giao dịch. D đã trực tiếp cầm cố chiếc xe mô tô cho người đàn ông trên được 4.500.000 đồng. Số tiền này, D cầm đi trả nợ cho anh Phạm Văn H2, trú tại khu 7, thị trấn C 3.100.000 đồng, số tiền còn lại D sử dụng vào việc chi tiêu cho bản thân, sau đó bỏ trốn. Đến ngày 15/12/2018, D bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18/KLĐG ngày 07/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vân Đồn kết luận: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, số khung 0610HY11525, số máy G3D4B636950, màu sơn trắng, đỏ, đen, biển kiểm soát 14S1 - 072.00 trị giá 43.155.000 đồng và Kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 05/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vân Đồn kết luận: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 14B1 - 155.03 màu sơn đen trắng, số máy 5C63 - 669487; số khung C630CY669440, trị giá 6.460.000 đồng.

Cáo trạng số 07/CT-VKSVD ngày 01/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh truy tố Lê Đức D về các tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”, quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Lê Đức D từ 06 đến 09 tháng tù: Về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Lê Đức D từ 18 đến 24 tháng tù: Về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Các hình phạt được cộng lại thành hình phạt chung của hai tội buộc Lê Đức D phải chấp hành hình phạt chung là từ 24 đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 15/12/2018).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; bị cáo Lê Đức D có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Tuấn L 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả cho anh Đỗ Văn Tuyền 3.230.000đ (Ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn D thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lê Đức D thừa nhận: Khoảng 17 giờ ngày 11/5/2018, bị cáo chơi điện tử tại cửa hàng nhà anh Đỗ Tuấn L, thuộc khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, bị cáo có hỏi anh L mượn xe mô tô Yamaha, BKS 14 S1-072.00 để đi về nhà, anh L đồng ý, bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau đó bị cáo không đem xe đi trả cho anh L mà điều khiển xe sang thành phố Cẩm Phả chơi và chi tiêu hết tiền mang theo, không còn tiền bị cáo nảy sinh ý định cầm cổ xe của anh L lấy tiền tiêu sài. Bị cáo tìm đến cửa hiệu cầm đồ Hoàng Anh và gặp anh C, anh C không nhận cầm cổ xe, bị cáo nói không cầm cổ xe thì cho bị cáo gửi xe lại làm tin, mượn anh C 12.000.000 đồng, anh C đồng ý và giao cho bị cáo 12.000.000 đồng. Sau khi có tiền bị cáo chi tiêu và chơi điện tử hết. Sau đó bị cáo đã tác động đến mẹ bị cáo trả cho anh L hai lần là 6.000.000 đồng.

Ngày 07/8/2018, bị cáo chơi điện tử ở cửa hàng điện tử 24 giờ tại thôn Đông Sơn, xã Đông Xá, huyện Vân Đồn, gặp anh Đỗ Đức Tuyền cũng chơi điện tử tại cửa hàng. Đến khoảng 00 giờ ngày 08/8/2018, cửa hàng đóng cửa bị cáo và anh Tuyền rủ nhau đến cửa hàng Hoàng Nét ở khu 8, thị trấn C chơi tiếp, bị cáo và anh Tuyền cùng đi xe mô tô Yamaha BKS 14B1-155.03 của anh Tuyền. Khi bị cáo cầm lái trên đường chở anh Tuyền đến cửa hàng Hoàng Nét, bị cáo nảy sinh ý định mượn xe anh Tuyền đi cầm lấy tiền nên khi vào Hoàng Nét chơi được khoảng 30 phút, bị cáo hỏi anh Tuyền mượn xe đi có việc, anh Tuyền đồng ý và bị cáo điều khiển xe sang thành phố Cẩm Phả tìm chỗ cầm xe. Anh Tuyền có gọi điện thoại cho bị cáo hỏi xe, bị cáo bảo hai tiếng nữa sẽ trả. Do trời tối các cửa hàng còn đóng cửa nên bị cáo điều khiển xe mô tô của anh Tuyền về thôn Đông Hợp xã Đông Xá, huyện Vân Đồn gặp H3, nhờ H3 tìm cửa hàng cầm đồ để cầm cổ xe, H3 đưa bị cáo đến khu ngã ba đường tàu thuộc phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả gặp người đàn ông không quen biết ở ngoài đường, người này nhận cầm xe và đưa cho bị cáo 4.500.000 đồng. Bị cáo không cho H3 tiền và H3 cũng không biết bị cáo mượn xe đem đi cầm. Số tiền cầm xe mô tô của anh Tuyền bị cáo trả nợ cho anh H2 và tiêu sài hết. Sau đó anh Tuyền tìm gặp bị cáo, bị cáo bảo để xin tiền mẹ chuộc xe trả, anh Tuyền đồng ý và bị cáo đi ra vùng biển xã Bản Sen huyện Vân Đồn để không bị ai tìm nữa. Đến nay mẹ bị cáo đã trả được cho anh Tuyền 3.230.000 đồng.

Tại phiên tòa bị hại Đỗ Tuấn L trình bày: Hồi 17 giờ ngày 11/5/2018, anh L ở nhà trông quán Nét, bị cáo D đến chơi điện tử, sau đó hỏi anh L mượn xe Yamaha BKS 14 S1-072.00 đi về nhà 10 phút sẽ trả, anh L đồng ý nhưng sau 30 phút không thấy bị cáo D đem xe trả, anh L gọi điện cho bị cáo không được, đi tìm không thấy. Đến ngày 12/5/2018, anh L tìm được bị cáo D tại nhà bị cáo, bị cáo nói đem xe đi cầm ở Hoàng Anh lấy 12.000.000 đồng. Bị cáo D hỏi mẹ xin 3.000.000 đồng đưa cho anh L và địa chỉ cầm xe bảo đi chuộc về. Anh L cầm tiền đi lấy xe nhưng không đủ 12.000.000 nên phải thêm 9.000.000 đồng ra để lấy xe về. Đến nay mẹ bị cáo D trả hai lần cho anh L được 6.000.000 đồng. Yêu cầu bị cáo D phải trả tiếp cho anh L 6.000.000 đồng.

Bị hại Đỗ Văn Tuyền trình bày: Khoảng 00 giờ ngày 08/8/2018, anh Tuyền và D rủ nhau đến cửa hàng Hoàng Nét ở khu 8, thị trấn C chơi điện tử tiếp vì trước đó hai người đã chơi ở quán khác nhưng chủ nhà đóng cửa, D chở anh Tuyền bằng xe mô tô Yamaha BKS 14B1-155.03 của anh Tuyền vào Hoàng Nét chơi, đến khoảng 02 giờ sáng, D hỏi anh Tuyền mượn xe đi về nhà có việc, anh Tuyền đồng ý và D điều khiển xe đi, anh Tuyền ngồi đợi khoảng 2 tiếng không thấy D quay lại trả xe, anh Tuyền đi tìm gặp D ở cây xăng Đông Xá, D nói xe đem sang Cửa Ông cầm lấy tiền rồi, D dẫn anh Tuyền về nhà hỏi mẹ lấy tiền đi chuộc xe, nhưng mẹ D không cho tiền nên anh Tuyền đi về nhà. Đến ngày 11/8/2018, D nhắn tin cho anh Tuyền nói muốn chuộc xe thì gặp H3 ở thôn Đông Hợp, xã Đông Xá dẫn đi vì H3 dẫn D đi cầm cổ xe, anh Tuyền tìm gặp H3. H3 dẫn anh Tuyền đi chuộc lại xe và bảo đưa cho H3 4.700.000 đồng, để lấy xe ra, anh Tuyền đưa tiền cho H3 và H3 dẫn anh Tuyền đến ngã ba đường tàu Cửa Ông, H3 bảo anh Tuyền đứng đợi vì chủ quán không cho biết địa chỉ. H3 cầm tiền của anh Tuyền đi không thấy trở lại, sau đó anh Tuyền không liên lạc được với D và H3. Đến nay bà T (mẹ D) đã trả cho

anh Tuyền 3.230.000 đồng. Anh Tuyền đề nghị bị cáo D trả tiếp cho anh Tuyền 3.230.000 đồng, như định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị T trình bày: Bị cáo D là con bà T đã gây ra thiệt hại cho anh L và anh Tuyền nên đã tác động bà bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho anh L 6.000.000 đồng và anh Tuyền 3.230.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại bà số tiền đã bồi thường cho các bị hại.

Người làm chứng anh Phạm Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại hồ sơ: Đầu tháng 8/2018, Lê Đức D có vay anh H2 số tiền 3.100.000 đồng, anh H2 đã nhiều lần đòi tiền nhưng D chưa trả. Đến ngày 08/8/2018, D đem tiền đến trả đủ cho anh H2. Anh H2 không biết số tiền đó D phạm tội mà có, anh H2 đã chi tiêu hết số tiền D trả.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về thời gian, địa điểm, vật chứng thu giữ, Kết quả định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 11/5/2018, tại khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, Lê Đức D có hành vi mượn anh Đỗ Tuấn L 01 xe mô tô BKS 141-072.00, trị giá 43.155.000 đồng, sau đó mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân rồi bỏ trốn. Tiếp đó, khoảng đêm ngày 07 rạng sáng ngày 08/8/2018, tại khu 8, thị trấn C, huyện Vân Đồn, Lê Đức D còn có hành vi gian dối, chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 14B1-155.03, trị giá 6.460.000 đồng của anh Đỗ Văn Tuyền. Các hành vi nêu trên của Lê Đức D đã phạm vào các tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo chiếm đoạt xe mô tô của anh L và anh Tuyền, mục đích đều để cầm cố lấy tiền tiêu sài ăn chơi cho bản thân, chứng tỏ bị cáo là người lười lao động, ham chơi, thích hưởng thụ. Năm 2011, bị cáo bị Công an huyện Vân Đồn bắt lập hồ sơ đi cai nghiện bắt buộc, đến năm 2013 trở về địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu. Vì vậy cần xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả cho các bị hại và các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D không có nghề nghiệp, không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 xe mô tô BKS 141-072.00 bị cáo D chiếm đoạt của anh L, anh L đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì, việc trao trả này là phù hợp pháp luật.

01 xe mô tô BKS 14B1-155.03 bị cáo D chiếm đoạt của anh Tuyền, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Vân Đồn không xác định được người cầm đồ bị cáo D đã cầm cố xe và đã thông báo truy tìm vật chứng chiếc xe trên nhưng chưa có kết quả nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh L yêu cầu bị cáo D phải trả tiếp cho anh 6.000.000 đồng. Anh Tuyền yêu cầu bị cáo D phải trả tiếp cho anh 3.230.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh L và anh Tuyền là có căn cứ, phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị T (mẹ của bị cáo D) đã chủ động khắc phục hậu quả bồi thường một phần thiệt hại cho anh L 6.000.000 đồng, anh Tuyền 3.230.000 đồng. Nay bà T không yêu cầu bị cáo phải trả lại bà, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Đinh Quốc H3, theo anh Tuyền khai là người đã nhận của anh Tuyền 4.700.000 đồng để đi chuộc xe, sau đó không chuộc xe mà cầm tiền rồi bỏ trốn. Ngoài ra, bị cáo D khai H3 là người giúp bị cáo mang xe của anh Tuyền đi cầm cố. Toàn bộ nội dung trên hiện chưa làm rõ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vân Đồn tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau. Đối với anh Bùi Văn C đã lấy xe mô tô bị cáo giao làm tin cho bị cáo mượn tiền, anh C không biết tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác, nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Phạm Văn H2 được bị cáo trả nợ 3.100.000 đồng, anh H2 không biết số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị cáo D phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Lê Đức D 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Lê Đức D 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Lê Đức D phải chấp hành hình phạt chung là: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 15/12/2018).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; bị cáo Lê Đức D có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Tuấn L 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả cho anh Đỗ Văn Tuyền 3.230.000đ (Ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đỗ Tuấn L, anh Đỗ Văn Tuyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lê Đức D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (trả không đủ, hoặc không trả) cho anh L, anh Tuyền, thì hàng tháng bị cáo D còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất chậm thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự).

- Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Đức D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 461.500đ (Bốn trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng).

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự :
Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/3/2019).

T2 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Vân Đồn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Vân Đồn;
- VKSND huyện Vân Đồn;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS huyện Vân Đồn
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Minh

Nguyễn Thị Hòa

Dương Thị Nga

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN ĐỒN
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ ngày 13 tháng 3 năm 2019;

Tại: Phòng nghị án, trụ sở tòa án nhân dân huyện Vân Đồn

Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Minh và bà Nguyễn Thị Hoà.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019, đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức D**; Sinh ngày 25/6/1985, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ý kiến nhất trí : 3/3.

2. Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình thu thập điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Những chứng cứ tài liệu do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều đảm bảo đúng quy định pháp luật; Ý kiến nhất trí : 3/3.

3. Điều luật áp dụng: Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự (lỗi suất chậm thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự). Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Ý kiến nhất trí : 3/3.

4. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức D phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ý kiến nhất trí : 3/3.

5. Về hình phạt: Xử phạt: Lê Đức D 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Lê Đức D phải chấp hành hình phạt chung là: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 15/12/2018). Ý kiến nhất trí : 3/3.

6. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Đức D có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Tuấn L 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả cho anh Đỗ Văn Tuyền 3.230.000đ (Ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Ý kiến nhất trí : 3/3.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đỗ Tuấn L, anh Đỗ Văn Tuyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lê Đức D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (trả không đủ, hoặc không trả) cho anh L, anh Tuyền, thì hàng tháng bị cáo D còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất chậm thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự). Ý kiến nhất trí : 3/3.

7. Về án phí: Bị cáo Lê Đức D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 461.500đ (Bốn trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng). Ý kiến nhất trí : 3/3.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/3/2019). Ý kiến nhất trí : 3/3.

T2 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ý kiến nhất trí : 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Minh

Nguyễn Thị Hòa

Dương Thị Nga

-